



QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI DN CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT



Trình bày: Nguyễn Thới Ánh
Trưởng phòng Thanh tra -Kiểm tra số 6
Cục Thuế TP.HCM

1

TRANSFER- PRICING?

- Chuyển giá



- Giá chuyển nhượng

2

1. Chuyển giá là gì ?

- Chuyển giá là hành vi nhằm thay đổi giá trị hàng hóa, dịch vụ của các cty có quan hệ liên kết nhằm mục tiêu cuối cùng là tối thiểu hóa số thuế phải nộp.



3

Chuyển giá là gì ?

- Chuyển giá là việc chuyển thu nhập từ nơi có thuế suất cao sang nơi có thuế suất thấp (hoặc thiên đường thuế) với mục đích là giảm thiểu số thuế phải nộp.
- Hay nói cách khác, chuyển giá là hành vi thiết lập giá giao dịch kinh doanh không theo nguyên tắc “giá thị trường” giữa 2 công ty có quan hệ liên kết nhằm tối thiểu hóa lợi nhuận nộp thuế.

4

Chuyển giá là gì?

- Một hình thức khác mà các DN thường áp dụng để chuyển thu nhập sang nơi có ưu đãi thuế (miễn 100% trong 2-4 năm đầu thành lập hoặc giảm 50% trong các năm tiếp theo) nhằm nộp thuế ít hơn.
- Đó là các DN mới thành lập nơi địa bàn khó khăn hoặc có ngành nghề được ưu đãi.
- Chuyển giá trên thực tế chưa thể kết luận là DN trốn thuế.
- Chuyển giá cũng có thể xem là hoạt động thực hiện tối ưu hóa các giao dịch qua biên giới để tiết kiệm thuế theo nguyên tắc chung: Ở lãnh thổ nào thuế thu TNDN thấp thì NNT sẽ để lợi nhuận tại nước đó.

5

Chuyển giá là gì ? (tiếp)

Chuyển giá hầu như ở nước nào cũng có. Ở Hoa Kỳ, Úc, Đức sinh viên được dạy về chuyển giá thông qua nội dung tìm hiểu và so sánh các lỗ hổng trong chính sách thuế của các quốc gia. Họ không xem chuyển giá là việc to lớn, khác thường mà chấp nhận nó.

Mỗi quốc gia đều phải xử lý trên lãnh thổ của mình bằng các biện pháp tốt nhất và cơ quan thuế có phản ứng nhanh, kịp thời phát hiện xử lý và đưa ra những quy định điều chỉnh về thuế có tính cạnh tranh giữa các quốc gia đồng thời phù hợp với sự phát triển quốc gia mình.

6

Chuyển giá là gì ? (tiếp)

Việc kinh doanh lỗ và lỗ liên tục thì không đồng nghĩa với việc chuyển giá.

Để xác định được chuyển giá thì phải có quá trình thu thập tài liệu đầy đủ khách quan.

Thông thường tại Mỹ, Nhật, Châu Âu, Hồng Kông những vụ chuyển giá lớn được phán quyết tại tòa án sau khi Quan tòa tiếp thu ý kiến của cả hai bên (Thuế và doanh nghiệp).

7

Giao dịch liên kết và chuyển giá

- Hành vi chuyển giá là vấn nạn chung của nhiều quốc gia trên thế giới, khoảng 60% hoạt động thương mại toàn cầu là giao dịch có khả năng chuyển giá. Hiện tượng chuyển giá diễn biến ngày càng đa dạng và phức tạp, do cả DN-FDI và DN trong nước thực hiện.
- Với mục đích đó, nhiều công ty xuyên quốc gia còn mở chuỗi văn phòng để chuyển lợi nhuận tới các thiên đường thuế khắp thế giới, như Ai-len, Hà Lan, Luxembourg, British Virgin Islands... hoặc các địa phương khác trong một quốc gia liên bang để hưởng lợi khai thuế nhờ chênh lệch mức thuế tại đó.

8

Giao dịch liên kết và chuyên giá

- Hoặc mức thuế suất TNDN ở bang California là 8,84%, nhưng ở bang Oregon (Portland), Nevada là 0%.
- Còn ở Việt Nam, cuối năm 2003 thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 32%, giảm còn 28% đến năm 2008 và 25% năm 2009 là 25%, từ 2015 còn 22%, nay là 20% trong khi nhiều quốc gia khác thuế suất cùng thời điểm so sánh chỉ trên dưới 10%, thậm chí nhiều quốc gia như Andorra, British Virgin Islands... thuế suất là 0%).
- Với “chiêu thức” này, năm 2011 tập đoàn công nghệ Apple đã chỉ phải nộp 3,3 tỷ USD (giảm được 2,4 tỷ USD) thuế thu nhập doanh nghiệp trong tổng doanh thu 34,2 tỷ USD.

9

Ảnh hưởng của chuyên giá

- Hệ lụy của chuyên giá rất nặng nề bởi nó làm giảm nguồn thu NSNN, tăng cạnh tranh bất bình đẳng và thậm chí nhằm tạo áp lực và cơ hội chiếm quyền quản lý và kiểm soát công ty liên doanh, cổ phần.
- Chuyên giá vì mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận của các DN khiến thuế phải nộp ít đi, đồng nghĩa với NSNN thất thu, trong khi doanh nghiệp chuyên giá có thêm nguồn lực tài chính và cơ hội để giảm giá bán hàng hay khuyến mại nhiều hơn, chiến thắng đối thủ, gây thua thiệt, thiếu công bằng cho doanh nghiệp nghiêm chỉnh nộp thuế.

10

2. Một số dấu hiệu, hành vi chuyển giá

- Lỗ liên tục nhiều năm nhưng vẫn luôn mở rộng đầu tư và doanh thu ngày càng tăng.
- Giá bán bằng hoặc thấp hơn giá vốn.
- Chuyển giá thông qua góp vốn của bên nước ngoài là tài sản, chuyển giao công nghệ định giá quá cao.
- Chuyển giá thông qua cung cấp dịch vụ, nhiều khi dịch vụ đó chỉ làm giả các hợp đồng mà thực tế không phát sinh.
- Thanh toán các khoản phí dịch vụ như tiếp thị, quảng cáo, quản lý tư vấn, hỗ trợ, hoa hồng, v.v... hay các chi phí phân bổ cho công ty trong tập đoàn thường không chứng minh dịch vụ đã được cung cấp.

11

2. Một số dấu hiệu, hành vi chuyển giá

- Thanh toán hộ cho công ty trong tập đoàn không thu phí bảo lãnh, chi phí vốn.
- Chi trả các khoản về nhãn hiệu, bản quyền, phí giấy phép không chứng minh được tính hợp lý.
- Trả lãi vay cao hơn lãi suất của ngân hàng thương mại cho vay (cùng điều kiện về xếp hạng tín dụng).
- Thực hiện một số công việc không tính phí cho công ty liên kết.

12

2. Một số dấu hiệu, hành vi chuyển giá

- Giao dịch nhiều với các công ty có thuế suất ưu đãi (hay đặt trụ sở tại các thiên đường thuế).
- Các công ty lãi trong giai đoạn ưu đãi nhưng giảm lãi dần trong giai đoạn hết ưu đãi.
- Bán các tài sản hữu hình dưới giá vốn hoặc các tài sản vô hình (bản quyền, thương hiệu, lợi thế thương mại, bí quyết...) dưới giá thị trường. Nhưng mua thì ngược lại.
- Chuyển giá thông qua mối liên kết đào tạo, nhà thầu.

13

2. Một số dấu hiệu, hành vi chuyển giá:

- Chuyển giá thông qua việc sản phẩm sản xuất trong nước nhưng xuất khẩu rồi lại nhập khẩu sau đó bán trong nước sản xuất dưới tên một công ty khác trong mối liên kết.

Tuy hiểu rõ về “chuyển giá” nhưng để xác định các DN có mối QHLK khi giao dịch với nhau không theo giá thị trường như các bên GDĐL khác là một vấn đề không đơn giản.



14

3. Xử phạt vi phạm về chuyển giá

- Tại một số nước khi xác định được việc chuyển giá dẫn đến môi trường cạnh tranh về giá không lành mạnh thì Nhà nước sẽ xử phạt hành vi chuyển giá bằng cách phạt tiền về hành vi giá cả và áp dụng một thuế suất đặc biệt cho doanh nghiệp trong một thời hạn nhất định.



15

3. Xử phạt vi phạm về chuyển giá

Nước	Quy định về xử phạt
Australia	50% số thuế truy thu (nếu trốn thuế), 10-25% số thuế truy thu (nếu có lý do hợp lý)
Malaysia	Mức phạt từ 0% đến 35% số thuế truy thu Đối với các trường hợp tránh thuế có kế hoạch mức phạt là 45% số thuế truy thu.
Nhật	10% đối với số thuế truy thu đến 500.000 Yên, cộng thêm 5% đối với số thuế truy thu lớn hơn 500.000 Yên. Mức phạt 35% áp dụng đối với các trường hợp gian lận thuế.
Trung quốc	Mức phạt từ 10.000 tới 50.000 nhân dân tệ nếu không lưu giữ thông tin, tài liệu về giao dịch liên kết. Phạt từ 10.000 đến 50.000 nhân dân tệ nếu cung cấp thông tin sai lệch. Phạt +5% đối với các khoản điều chỉnh về chuyển giá

3. Xử phạt vi phạm về chuyển giá

- Tại Việt Nam hiện nay cũng đang tranh cãi về hành vi chuyển giá là trốn thuế, tránh thuế hay khai sai?
- Nếu trốn thuế thì bị phạt từ 1-3 lần số thuế truy thu.
- Và nếu số thuế trốn trên 100 triệu thì xem như tội Hình sự, chuyển qua Công An truy tố (Điều 200 Bộ luật Hình sự 2015)
- Hiện nay CQT xử phạt là hành vi khai sai, nên truy thu +Phạt hành chính 10-20% và tính tiền chậm nộp.
- Trước năm 2013 phạt Vi phạm HC 10% trên số truy thu, từ năm 2013 là 20%.
- Tiền chậm nộp trước 1/7/2016 là 0,05%, từ 1/7/2016 là 0,03%.

17

Một vài số liệu về DN-FDI

Năm	Tổng số DN Trên địa bàn TP.HCM	Trong đó DN-FDI	Tỷ trọng DN-FDI
2015	161.842	5.878	3,63%
2016	178.870	6.741	3,76%
2017	206.685	10.661	5,15%
2018	241.357	11.415	4,72%
2019	260.069	14.209	5,46%
10/2020	275.004	16.263	5,91%

18

Số thuế thu qua các năm

Năm	Trong đó DN- FDI	Tỷ trọng
2015	41.966 tỷ	23,53%
2016	48.926	23,98%
2017	58.019	24,28%
2018	60.161	22,35%
2019	67.466	23,15
10T/2020	51.118	24,64%

19

Một số kết quả thanh tra GCN

STT	Tên DN	Thu + Phạt
1	Cty TNHH YUJ. VINA	4,212 Tỷ
2	Cty TNHH NOB. VN	5,020
3	CTy TNHH CN J.SHING	8,922
4	Cty TNHH DỆT Đ.M	10,199
5	Cty TNHH ASTR.	10,988
6	Cty TNHH MT	15,367
7	Cty H. PHONG	15.625
8	Cty TNHH FREE. VN	35,707
9	Cty VN S.H	50,565
10	CTy F.K.W	135,629 Tỷ

20

CÁC VĂN BẢN VỀ GIÁ CHUYỂN NHƯỢNG



21

Thông tư 74/TC/TCT ngày 20/10/1997 của BTC

**Quy định về thuế
Theo Luật ĐTN
Tại Việt Nam**



22

Thông tư 117/2005/TT-BTC ngày 19/12/2005 của BTC

- HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VIỆC XÁC ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG TRONG GIAO DỊCH KINH DOANH GIỮA CÁC BÊN CÓ QUAN HỆ LIÊN KẾT
- Quan hệ liên kết có 12 trường hợp.
- Có 5 phương pháp xác định giá thị trường.

23

Thông tư 66/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của BTC

- Về các quan hệ liên kết có 13 trường hợp.
- Có 5 phương pháp xác định giá thị trường.



24

Nghị định 20/2017-CP và TT 41-BTC

- Có 10 quan hệ liên kết
- Có 3 phương pháp xác định giá nhưng thực tế là 5. Vì trong PP so sánh Tỷ suất lợi nhuận có 3 PP
- **Đặc biệt là tại khoản 3 Điều 8 khống chế lãi vay không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh + Chi phí lãi vay + CP khấu hao trong kỳ.**
- Quy định này đã làm khó các Cty trong cùng tập đoàn nhất là các DN Việt Nam thay vì DN-FDI

25

Nghị định 68/2020/CP

- Xử lý hồi tố khoản lãi vay khống chế từ 20 lên 30%.
- Lãi vay không được trừ hết thì được chuyển tiếp sang các năm sau không quá 5 năm.
- Thay đổi mẫu số 1 Thông tin về QHLK và GDLK cho phù hợp

26

Luật Quản lý thuế số 38/2019

- Đề cập về GDLK không nhiều
- Chỉ nêu 1 số khái niệm về:
 - Giao dịch liên kết,
 - Giao dịch độc lập,
 - Quan hệ liên kết,
 - Cty Mẹ tối cao của tập đoàn vv...
- **Điều 49: Về ấn định thuế:**
 - - Mua bán, trao đổi và hạch toán không theo giá thị trường
 - - Thực hiện các giao dịch không đúng với bản chất kinh tế, không đúng thực tế phát sinh...

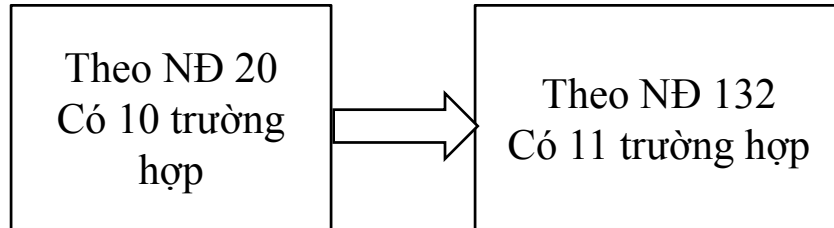
27

Nghị định 132/2020/CP ngày 05/11/2020

- Đây là Nghị định kế thừa từ NĐ 20/2017/CP và bổ sung sửa đổi tại Nghị định 68/2020/CP.
- Về mẫu biểu thì cũng của NĐ 20 và NĐ 68 bổ sung thêm.
- Có thêm Phụ lục V về Công thức tính khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn.

28

Về quan hệ liên kết



- Tuy nhiên về cơ bản cũng không khác nhiều

29

Giới thiệu

Nghị định 132/2020-CP

- Nghị định 132 là NĐ kế thừa từ TT66, NĐ20 và NĐ68 của Chính phủ trong đó:
- - Bổ sung thêm 1 số điểm cho rõ hơn của từng nội dung. Tuy vậy để đọc và hiểu cũng rất khó khăn.
- - Bổ sung thêm mẫu biểu đó là thêm 1 số chỉ tiêu tại Phụ lục I và thêm Phụ lục V.
- **Để hiểu rõ NĐ132 xin tham khảo TT66 và NĐ 20**

30

Giao dịch liên kết là gì?

- GDLK là các giao dịch mua, bán, trao đổi, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, chuyển giao, chuyển nhượng hàng hóa, cung cấp dịch vụ; vay, cho vay, dịch vụ tài chính, đảm bảo tài chính và các công cụ tài chính khác; mua, bán, trao đổi, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, chuyển giao, chuyển nhượng tài sản hữu hình, tài sản vô hình và thỏa thuận mua, bán, sử dụng chung nguồn lực như tài sản, vốn, lao động, chia sẻ chi phí giữa các bên có quan hệ liên kết, trừ các giao dịch kinh doanh đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh giá của Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

31

Quan hệ liên kết là gì? Điều 5

- 1. Các bên có quan hệ liên kết (sau đây viết tắt là “bên liên kết”) là các bên có mối quan hệ thuộc một trong các trường hợp:
 - a) Một bên tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư vào bên kia;
 - b) Các bên trực tiếp hay gián tiếp cùng chịu sự điều hành, kiểm soát, góp vốn hoặc đầu tư của một bên khác.
- Tổng cộng có 11 trường hợp có QHLK như sau:

32

Quan hệ liên kết là gì? Điều 5

- a) Một DN nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của DN kia;
- b) Cả hai DN đều có ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu do một bên thứ ba nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp;
- c) Một DN là cổ đông lớn nhất về vốn góp của chủ sở hữu và nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 10% tổng số cổ phần của DN kia;

33

Quan hệ liên kết là gì? Điều 5

- d) Một DN bảo lãnh hoặc cho một DN khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của DN đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của DN đi vay;

34

Quan hệ liên kết là gì? Điều 5

- đ) Một DN chỉ định thành viên BLĐ điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của một DN khác với điều kiện số lượng các thành viên được DN thứ nhất chỉ định chiếm trên 50% tổng số thành viên BLĐ điều hành hoặc nắm quyền kiểm soát của DN thứ hai; hoặc một thành viên được DN thứ nhất chỉ định có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc HĐKD của DN thứ hai;
- e) Hai DN cùng có trên 50% thành viên BLĐ hoặc cùng có một thành viên BLĐ có quyền quyết định các chính sách tài chính hoặc HĐKD được chỉ định bởi một bên thứ ba;

35

Quan hệ liên kết là gì? Điều 5

- g) Hai DN được điều hành hoặc chịu sự kiểm soát về nhân sự, tài chính và HĐKD bởi các cá nhân thuộc một trong các mối quan hệ vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị, em cùng cha mẹ, anh, chị em cùng cha khác mẹ, anh, chị, em cùng mẹ khác cha, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha; ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột;

36

Quan hệ liên kết là gì? Điều 5

- h) Hai CSKD có mối quan hệ trụ sở chính và CS thường trú hoặc cùng là CS thường trú nước ngoài;
- i) Các DN chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào DN đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành DN;
- k) Các trường hợp khác trong đó DN chịu sự điều hành, kiểm soát, quyết định trên thực tế đối với hoạt động SXKD của DN kia;

37

Quan hệ liên kết là gì? Điều 5

- l) DN có phát sinh các giao dịch nhượng, nhận chuyển nhượng vốn góp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của DN trong kỳ tính thuế; vay, cho vay ít nhất 10% vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm phát sinh giao dịch trong kỳ tính thuế với cá nhân điều hành, kiểm soát DN hoặc với cá nhân thuộc trong một các mối quan hệ theo quy định tại điểm g khoản này.

38

Như vậy chuyển giá khi nào?

- Chỉ xảy ra khi các DN có QHLK mua bán, trao đổi, thuê, mượn, vay vốn... với nhau.



- Nếu chỉ có QHLK mà không có GDLK thì không có chuyển giá và ngược lại.

39

Ví dụ

- Cty Cocacola VN mua hương liệu từ Cty Mẹ ở NN
- Tập đoàn MASAN cho các Cty Con mượn vốn không lãi.
- Cty SAMSUNG nhập linh kiện từ Cty Mẹ về lắp ráp trong nước sau đó bán trong Nội địa và Xuất khẩu.
- Cty POUYEN sản xuất Giày thể thao theo đơn hàng của Cty Mẹ tại Đài Loan.

40

Điều 2-Đối tượng áp dụng

- 1. Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (sau đây gọi chung là người nộp thuế- NNT) là đối tượng nộp **thuế TNDN** theo phương pháp kê khai và có phát sinh giao dịch với các bên có QHLK theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.
- 2. Cơ quan thuế bao gồm Tổng cục Thuế, Cục Thuế và Chi cục Thuế.
- 3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc áp dụng quy định về quản lý giá của giao dịch liên kết.

41

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

- 1. NNT có giao dịch liên kết phải loại trừ các yếu tố làm giảm nghĩa vụ thuế do QHLK chi phối, tác động để kê khai, xác định nghĩa vụ thuế đối với các GDLK tương đương với các GDĐL có cùng điều kiện.
- 2. Cơ quan thuế quản lý, kiểm tra, thanh tra đối với giá GDLK của người nộp thuế theo **nguyên tắc GDĐL và bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế** tương ứng với giá trị tạo ra từ bản chất giao dịch, hoạt động SXKD của người nộp thuế, không công nhận các GDLK không theo nguyên tắc GDĐL làm giảm nghĩa vụ thuế.

42

PHÂN TÍCH, SO SÁNH, LỰA CHỌN ĐỐI TƯỢNG SO SÁNH ĐỘC LẬP VÀ CÁC PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT



43

Điều 6. Nguyên tắc phân tích, so sánh

- 1. Phân tích, so sánh GDLK thực hiện theo **nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế** để xác định bản chất GDLK:
 - a) Bản chất giao dịch được đối chiếu giữa hợp đồng pháp lý hoặc văn bản, thoả thuận giao dịch của các bên liên kết với thực tiễn thực hiện của các bên. Nếu không đúng thì phải xác định lại.
 - b) Bản chất giao dịch được xác định bằng phương pháp thu thập thông tin, chứng cứ, dữ liệu về giao dịch, rủi ro của các bên liên kết trong thực tiễn hoạt động SXKD.

44

Khoản 25 Điều 3- Luật QLT

- **Nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế** là nguyên tắc được áp dụng trong quản lý thuế nhằm phân tích các giao dịch, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế để xác định nghĩa vụ thuế tương ứng với giá trị tạo ra từ bản chất giao dịch, hoạt động SXKD đó.
- Nguyên tắc này xuất phát từ **Nguyên tắc bản chất quyết định hình thức** tại NĐ 20/2017/NĐ-CP

45

Điều 6. Nguyên tắc phân tích, so sánh

- 2. Phân tích, so sánh GDLK với GDĐL:
 - a) Căn cứ đối chiếu các hợp đồng, văn bản, thỏa thuận
 - b) Phân tích, so sánh phải đảm bảo tính tương đồng giữa DN thực hiện GDĐL với DN có GDLK hoặc GDĐL với GDLK, không có yếu tố khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến mức giá; tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận giữa các bên.
- Nếu có khác biệt thì phải điều chỉnh loại trừ.

46

Điều 7.

Lựa chọn đối tượng so sánh độc lập

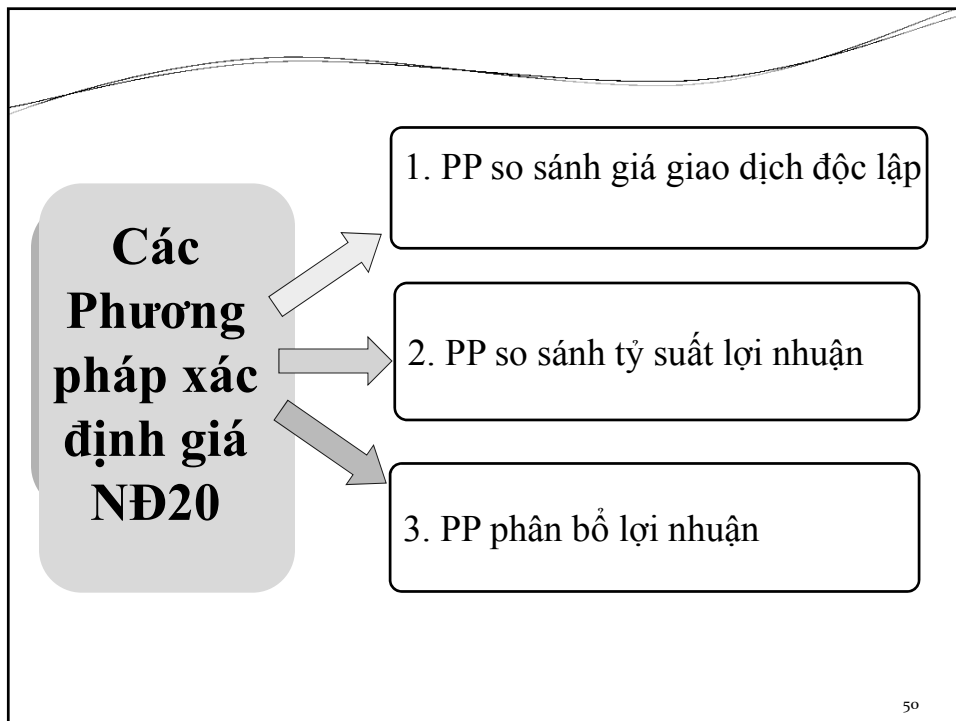
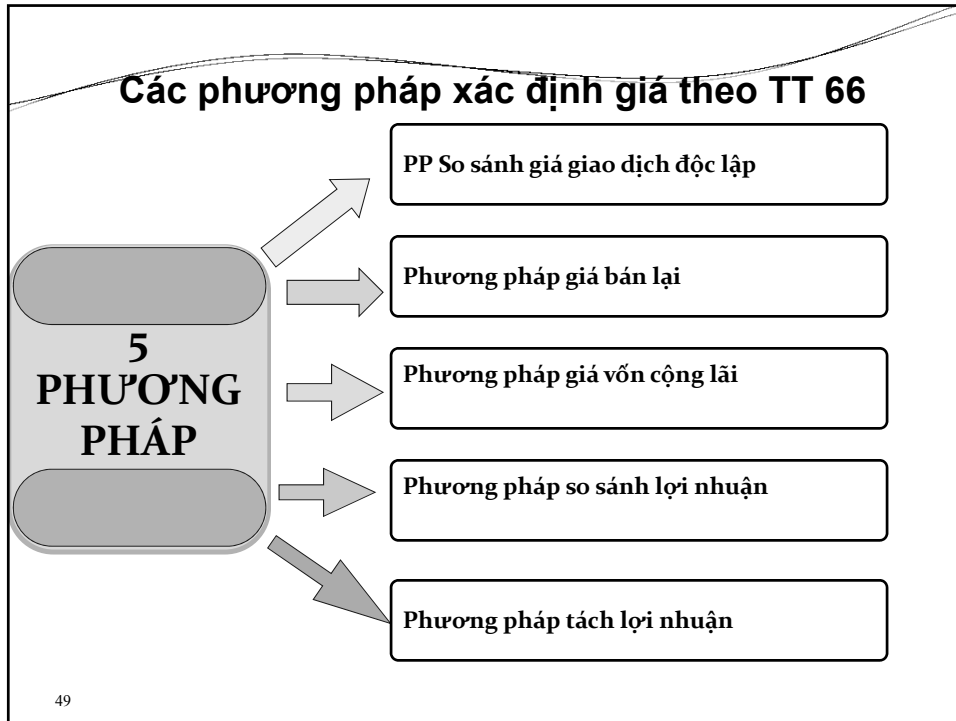
- 1. Lựa chọn đối tượng SSDL nội bộ là việc lựa chọn giao dịch của chính NNT với bên không có QHLK, đảm bảo tương đồng không có khác biệt ảnh hưởng trọng yếu đến mức giá; tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận giữa các bên
- 2. Dữ liệu tài chính, kinh doanh của các đối tượng so sánh phải đảm bảo độ tin cậy để sử dụng cho mục đích kê khai, tính thuế, **cùng năm tài chính** của NNT.

47

Số lượng tối thiểu đối tượng so sánh độc lập được chọn

- **01 đối tượng** trong trường hợp giao dịch liên kết hoặc người nộp thuế thực hiện giao dịch liên kết và đối tượng so sánh độc lập không có khác biệt;
- **03 đối tượng** trong trường hợp đối tượng so sánh độc lập có khác biệt nhưng có đủ thông tin, dữ liệu làm cơ sở để loại trừ tất cả các khác biệt trọng yếu và
- **05 đối tượng** trong trường hợp chỉ có thông tin, dữ liệu làm cơ sở để loại trừ hầu hết các khác biệt trọng yếu của đối tượng so sánh độc lập.

48



ĐỐI CHIẾU CÁC PHƯƠNG PHÁP

Thông tư 66 (cũ)	Nghị định 20 và ND 132
1. Phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập	1- PP so sánh giá GDĐL
2. Phương pháp giá bán lại	2- PP so sánh tỷ suất lợi nhuận 2.1- PP so sánh tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu (PP Giá bán lại)
3. Phương pháp giá vốn cộng lãi	2.2- PP so sánh tỷ suất lợi nhuận gộp/Gía Vốn (PP Giá vốn cộng lãi)
4. Phương pháp so sánh lợi nhuận	2.3- PP so sánh tỷ suất lợi nhuận thuần
5. Phương pháp tách lợi nhuận	3- PP Phân bổ lợi nhuận giữa các bên liên kết

51

1. PP so sánh giá GDĐL

Thường được áp dụng cho các trường hợp

- a) Các giao dịch riêng lẻ về từng chủng loại hàng hóa lưu thông trên thị trường;
- b) Các giao dịch riêng lẻ về từng loại hình dịch vụ, bản quyền, kế ước vay nợ;
- c) Cơ sở kinh doanh thực hiện cả GDĐL và GDLK về cùng một chủng loại sản phẩm.
- Nghĩa là gần tương đồng với nhau

52

1. PP so sánh giá GDĐL (tiếp)

Nguyên tắc áp dụng:

Không có khác biệt về đặc tính sản phẩm và điều kiện hợp đồng có tác động trọng yếu đến giá sản phẩm. Trường hợp có các khác biệt trọng yếu phải loại trừ các khác biệt trọng yếu.

- Các yếu tố tác động trọng yếu đến giá sản phẩm: đặc tính sản phẩm và điều kiện hợp đồng; các yếu tố khác tác động đến giá sản phẩm là điều kiện kinh tế và chức năng hoạt động;

53

1. PP so sánh giá GDĐL (tiếp)

Phương pháp xác định:

Giá sản phẩm trong GDLK được điều chỉnh theo

- Giá sản phẩm trong giao dịch độc lập hoặc **giá trị thuộc khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn** của các đối tượng so sánh độc lập.
- Giá sản phẩm được công bố trên sàn giao dịch trong nước và quốc tế và các điều kiện giao dịch tương đồng.
- Trường hợp mua máy móc, thiết bị từ bên liên kết ở nước ngoài phải có tài liệu, chứng từ chứng minh giá mua máy móc, thiết bị tuân theo nguyên tắc GDĐL tại thời điểm mua

54

1. PP so sánh giá GDDL(tiếp)

Kết quả xác định giá giao dịch liên kết:

Là giá tính thuế, kê khai, xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp nhưng không làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế.

55

- Ví dụ: ~~Cty V tại Việt Nam là DN 100% vốn của Cty nước ngoài S hoạt động trong lĩnh vực gia công sản phẩm dệt may. Trong năm 2019, Cty V có hai giao dịch về nhận gia công quần áo mã số cat.347 như sau:~~
- - Giao dịch 1: Gia công cho Cty S 1.000 tá quần với giá 60 USD/tá theo điều kiện giao hàng tại Việt Nam
- - Giao dịch 2: Gia công cho Cty M 1.000 tá quần với giá 70 USD/tá
- Giá định:- Công ty M không có QHLK với công ty V và công ty S.
- - Khi so sánh giao dịch 1 (GDLK) với giao dịch 2 (giao dịch độc lập) cho thấy giao dịch 1 chưa phản ánh đúng mức giá thị trường.
- Trong TH này, lấy giá 70 USD/tá áp cho giao dịch 1

56

2. PP so sánh tỷ suất lợi nhuận

Các trường hợp áp dụng:

- NTT không có cơ sở dữ liệu (CSDL) và thông tin để áp dụng phương pháp so sánh giá GDĐL.
- Hoặc không thể so sánh giao dịch theo từng sản phẩm tương đồng.
- Việc gộp chung các giao dịch được tiến hành nhằm đảm bảo phù hợp bản chất, thực tiễn kinh doanh và lựa chọn được tỷ suất lợi nhuận của các đối tượng so sánh độc lập (SSĐL) phù hợp.

57

2. PP so sánh tỷ suất lợi nhuận có 3 trường hợp như sau:

- **2.1-** Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu (PP giá bán lại).
- **2.2-** Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận gộp trên giá vốn (PP giá vốn cộng lãi).
- **2.3-** Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận thuần

58

2.1- Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu (PP Giá bán lại) LK đầu vào

- Giá mua vào của HH, DV, tài sản (giá vốn) từ bên liên kết (=) giá bán ra của HH, DV tài sản bán lại cho bên độc lập (-) lợi nhuận gộp trên giá bán ra của NTT (-) một số chi phí khác bao gồm trong giá mua: Thuế nhập khẩu; lệ phí hải quan; chi phí bảo hiểm, vận chuyển quốc tế (nếu có).

-Lợi nhuận gộp trên giá bán ra của NTT được xác định từ các Đối tượng SS độc lập:

= giá bán ra của NTT (x) tỷ suất lợi nhuận gộp trên giá bán ra của các Đối tượng SS độc lập được lựa chọn.

59

2.1- Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận gộp trên doanh thu (PP Giá bán lại) Liên kết đầu vào

- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên giá bán ra (DTT) của ĐTSSĐL được lựa chọn là **giá trị thuộc khoảng giao dịch độc lập chuẩn** của tỷ suất lợi nhuận gộp trên giá bán ra của các ĐTSSĐL được lựa chọn.

-Giá mua vào từ bên liên kết (hoặc giá vốn) được điều chỉnh theo ĐTSSĐL là giá tính thuế, kê khai chi phí, xác định nghĩa vụ thuế TNDN phải nộp của NNT.

60

- **Ví dụ:** Cty V tại Việt Nam là bên liên kết của Cty nước ngoài H
- - Trong năm 2019, Cty H giao cho Cty V 1.000 chiếc đồng hồ và yêu cầu Cty V phải trả số tiền là 330.000 USD (bao gồm giá CIF + thuế, phí nhập khẩu do Cty H đã nộp).
- - Cuối năm 2019, doanh thu thuần Cty V thu được từ việc bán số đồng hồ này cho người tiêu dùng tại Việt Nam được quy đổi là 400.000 USD.
- Cty T là doanh nghiệp độc lập tại Việt Nam kinh doanh phân phối đồng hồ. Năm 2019, tỷ suất lợi nhuận gộp của Cty T đạt 20%.
- Giả sử Cty T đủ điều kiện được lựa chọn để so sánh về tỷ suất lợi nhuận gộp với Cty V thì V sẽ phải kê khai tính chi phí hợp lý được trừ cho việc mua đồng hồ từ Cty H như sau:
- $[400.000 \text{ USD} - (400.000 \text{ USD} \times 20\%)] = 320.000 \text{ USD}$
- Cty V chỉ được trừ chi phí hợp lý cho giá vốn hàng bán là 320.000 USD thay cho 330.000 USD.

61

Phương pháp giá bán lại

- Do LK đầu vào nên Chi phí đầu vào khá cao thường xuyên khai lỗ.
- Phương pháp giá bán lại thường được áp dụng cho các trường hợp giao dịch đối với các sản phẩm thuộc khâu cung cấp dịch vụ đơn giản và thương mại phân phối có thời gian quay vòng từ khi mua vào đến khi bán ra ngắn, ít chịu biến động về tính thời vụ. Đồng thời, sản phẩm trước khi được bán ra không qua khâu gia công, chế biến, lắp ráp, thay đổi tính chất sản phẩm hoặc gắn với nhãn hiệu thương mại để làm gia tăng đáng kể giá trị sản phẩm.

62

2.2-Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận gộp trên giá vốn (PP giá vốn cộng lãi) LIÊN KẾT ĐẦU RA

- Giá bán ra của hàng hóa, dịch vụ, tài sản bán cho bên liên kết được xác định (=) giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, tài sản mua vào từ bên độc lập (+) lợi nhuận gộp trên giá vốn của NNT.
- Lợi nhuận gộp trên giá vốn của NNT được xác định từ các ĐTSSĐL (=) giá vốn của NTT (**x**) tỷ suất lợi nhuận gộp trên giá vốn của các ĐTSSĐL được lựa chọn.

63

2.2- Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận gộp trên giá vốn (PP giá vốn cộng lãi)

- Tỷ suất lợi nhuận gộp trên giá vốn của các đối tượng so sánh độc lập được lựa chọn là **giá trị thuộc khoảng giao dịch độc lập chuẩn** của tỷ suất lợi nhuận gộp trên giá vốn của các đối tượng so sánh độc lập được lựa chọn để điều chỉnh.
- Giá bán ra cho bên liên kết (hoặc DTT) được điều chỉnh theo ĐTSSĐL là giá tính thuế, kê khai chi phí, xác định nghĩa vụ thuế TNDN phải nộp của NNT

64

- *Ví dụ : Cty A tại Việt Nam là Cty con của Cty mẹ T (nước Y) thực hiện gia công giày xuất khẩu theo mẫu mã do Cty T giao. Cty mẹ chịu trách nhiệm cung cấp NVL đầu vào, kiểm tra chất lượng, CP vận tải và bảo hiểm quốc tế. Cty A được trả phí gia công theo đơn vị SP và chịu các CP phát sinh trong quá trình gia công. Năm 2019, thông tin về hoạt động gia công của Cty A như sau:*
- - **Doanh thu thuần: 15 tỷ VND**- - Giá vốn hàng bán: 13 tỷ VND
- - CP bán hàng, CPQL: 1,8 tỷ VND. Giả định:
- - Một số Cty độc lập khác cũng hoạt động gia công giày cho các Cty nước ngoài và phí gia công được tính trên cơ sở: phí gia công bằng (=) tổng giá thành toàn bộ (giá vốn hàng bán + chi phí quản lý doanh nghiệp + chi phí bán hàng) cộng (+) 7% tổng giá thành toàn bộ.
- - Các giao dịch độc lập của các doanh nghiệp này đủ điều kiện được chọn để so sánh với giao dịch của doanh nghiệp A.
- Trong trường hợp này, doanh thu từ hoạt động gia công giày được xác định lại như sau: $(13 \text{ tỷ} + 1,8 \text{ tỷ}) + [7\% \times (13 \text{ tỷ} + 1,8 \text{ tỷ})] = 15,836 \text{ tỷ VND}$.
- Doanh nghiệp A phải thực hiện **kê khai doanh thu là 15,836 tỷ VND** thay cho số liệu cũ là 15 tỷ VND.

65

Phương pháp giá vốn cộng lãi thường được áp dụng cho các trường hợp:

- Do LK đầu ra nên DT bán hàng rất thấp dẫn đến lỗ.
- Giao dịch thuộc khâu sản xuất, lắp ráp, chế tạo, chế biến sản phẩm để bán cho các bên liên kết;
- Giao dịch giữa các bên liên kết thực hiện hợp đồng liên danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh để sản xuất, lắp ráp, chế tạo, chế biến sản phẩm, hoặc thực hiện các thỏa thuận về cung cấp các yếu tố sản xuất đầu vào và bao tiêu sản phẩm đầu ra;
- Giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên kết.

66

2.3-Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận thuần

- Tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế TNDN trên doanh thu, chi phí hoặc tài sản của NNT thực hiện GDLK được điều chỉnh theo tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay trên doanh thu, chi phí hoặc tài sản của các **ĐTSSĐL** được chọn, trên cơ sở đó điều chỉnh, xác định nghĩa vụ thuế của NNT.
- Lợi nhuận thuần không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.
- Tỷ suất lợi nhuận thuần được lựa chọn là **giá trị thuộc khoảng giao dịch độc lập chuẩn** của tỷ suất lợi nhuận thuần của các **ĐTSSĐL** được chọn.

67

Các loại tỷ suất thu nhập thuần

- 1. Tỷ suất thu nhập thuần trước thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh
- 2. Tỷ suất thu nhập thuần trước thuế thu nhập doanh nghiệp trên tổng chi phí từ hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- 3. Tỷ suất thu nhập thuần trước thuế thu nhập doanh nghiệp trên tài sản của hoạt động sản xuất kinh doanh.

68

- *Cty A là Cty con của Cty B làm đại lý dịch vụ giao nhận cho B, doanh nghiệp C là DN độc lập chuyên kinh doanh dịch vụ giao nhận (cho nhiều khách hàng độc lập). Số liệu về doanh thu, chi phí của A và C như sau:*

	Cty A	Cty C
Tổng CP	1.500	2.000
Tổng DT	1.650	2.500

- Giả sử C đủ điều kiện được chọn để so sánh với A về tỷ suất thu nhập thuần trước thuế TNDN trên tổng chi phí.
- - Tỷ suất của A = $(1.650 - 1.500) : 1.500 = 10\%$
- - Tỷ suất của C = $(2.500 - 2.000) : 2.000 = 25\%$
- DN A phải thực hiện kê khai thu nhập thuần trước thuế TNDN từ hoạt động giao dịch liên kết theo tỷ suất thu nhập thuần trước thuế TNDN trên tổng chi phí tương ứng với mức **25% của doanh nghiệp C. là 1.875 USD**

69

3. PP phân bổ lợi nhuận

Các trường hợp áp dụng:

- NTT tham gia thực hiện GDLK tổng hợp, đặc thù, duy nhất, khép kín trong tập đoàn, các hoạt động phát triển sản phẩm mới, sử dụng công nghệ độc quyền, tham gia vào chuỗi giá trị giao dịch độc quyền của tập đoàn hoặc quá trình phát triển, gia tăng, duy trì, bảo vệ và khai thác tài sản vô hình độc quyền, không có căn cứ để xác định giá giữa các bên liên kết hoặc các giao dịch có liên quan chặt chẽ, thực hiện đồng thời, các giao dịch tài chính phức tạp liên quan đến nhiều thị trường tài chính trên thế giới.



70

Nguyên tắc áp dụng

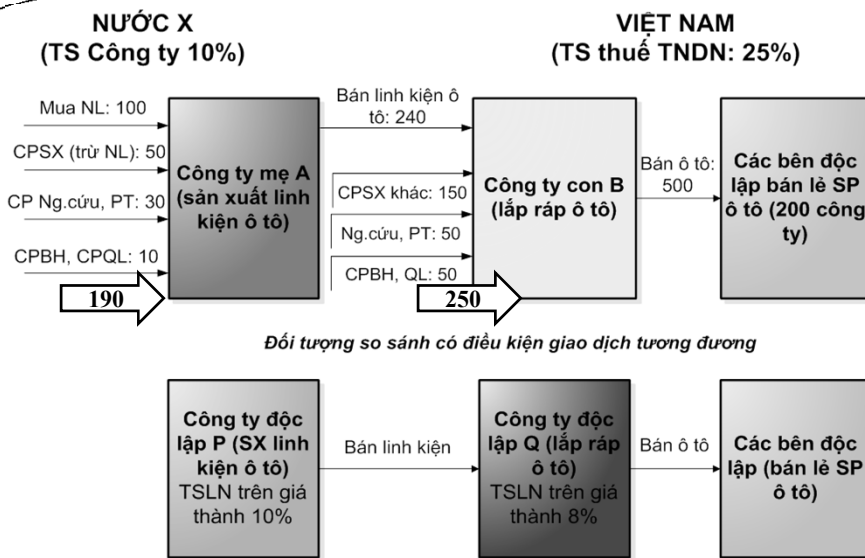
- Phương pháp phân bổ lợi nhuận là phương pháp phân bổ tổng lợi nhuận thu được để xác định lợi nhuận của người nộp thuế tham gia vào chuỗi giao dịch. Phương pháp phân bổ lợi nhuận được áp dụng đối với: Tổng lợi nhuận thực tế và lợi nhuận tiềm năng thu được xác định bằng các số liệu tài chính trên cơ sở các chứng từ hợp lý, hợp lệ; giá trị và lợi nhuận của giao dịch phải được xác định theo cùng phương pháp kế toán trong toàn bộ thời gian áp dụng phương pháp phân bổ lợi nhuận.

Lợi nhuận được điều chỉnh của NNT:

Là căn cứ xác định số thuế TNDN phải nộp nhưng không làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp của NNT.

71

Ví dụ minh họa ($P=50+10=60$)



Trong TH này có thể phân bổ theo GIÁ THÀNH

72

Phân chia như sau

- Lợi nhuận thuần 60
- CPSX Cty A là 190
- CPSX Cty B là 250
- Nếu lợi nhuận phân chia theo giá thành thì:
 - Cty A được: $(60/440) \times 190 = 26$
 - Cty B được chia : $(60/440) \times 250 = 34$

Tổng CPSX A+B là 440

73

CHI PHÍ TÍNH THUẾ VÀ KÊ KHAI, XÁC ĐỊNH GIÁ GDLK



74

Xác định chi phí để tính thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

- 1. Chi phí của GDLK không phù hợp bản chất giao dịch độc lập hoặc không góp phần tạo ra doanh thu, thu nhập cho hoạt động SXKD của NNT không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ, bao gồm:
 - a) Chi phí thanh toán cho bên liên kết không thực hiện bất kỳ hoạt động SXKD nào liên quan đến ngành nghề, hoạt động SXKD của người nộp thuế; không có quyền lợi, trách nhiệm liên quan đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho NNT;

75

Xác định chi phí để tính thuế đối với DN có GDLK

- b) Chi phí thanh toán cho bên liên kết có hoạt động SXKD nhưng quy mô tài sản, số lượng nhân viên và chức năng sản xuất, kinh doanh **không tương xứng** với giá trị giao dịch mà bên liên kết nhận được từ người nộp thuế;
- c) Chi phí thanh toán cho bên liên kết là đối tượng cư trú của một nước hoặc vùng lãnh thổ **không thu thuế TNDN, không góp phần tạo ra doanh thu**, giá trị gia tăng cho hoạt động SXKD của người nộp thuế.

76

Xác định chi phí để tính thuế đối với DN có GDLK

- 2. Chi phí dịch vụ giữa các bên liên kết:
- a) Trừ các khoản chi quy định tại điểm b khoản này, người nộp thuế được trừ các khoản chi phí dịch vụ vào chi phí tính thuế trong kỳ nếu đáp ứng đủ các điều kiện như sau:
- Dịch vụ được cung cấp có giá trị thương mại, tài chính, kinh tế và phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế; dịch vụ từ các bên liên kết được xác định đã cung cấp trong điều kiện hoàn cảnh tương tự các bên độc lập chi trả cho các dịch vụ này

77

Xác định chi phí để tính thuế đối với DN có GDLK

- b) Chi phí dịch vụ không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm:
- Chi phí phát sinh từ các dịch vụ được cung cấp chỉ nhằm mục đích phục vụ lợi ích hoặc tạo giá trị cho các bên liên kết khác; dịch vụ phục vụ lợi ích cổ đông của bên liên kết; dịch vụ tính phí trùng lặp do nhiều bên liên kết cung cấp cho cùng một loại dịch vụ, không xác định được giá trị gia tăng cho người nộp thuế; dịch vụ về bản chất là các lợi ích người nộp thuế nhận được do là thành viên của một tập đoàn và chi phí mà bên liên kết cộng thêm đối với dịch vụ do bên thứ ba cung cấp thông qua trung gian bên liên kết không đóng góp thêm giá trị cho dịch vụ.

78

VỀ chi phí lãi vay được trừ

- 3. Tổng chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với DN có GDLK:
- a) Tổng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN **không vượt quá 30% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ cộng chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ của người nộp thuế;**

79

VỀ chi phí lãi vay không được trừ

- b) Phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại điểm a khoản này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định tại điểm a khoản này. **Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ;**
- Quy định này không áp dụng với NNT là đối tượng áp dụng của Luật các tổ chức tín dụng và Luật kinh doanh bảo hiểm...

80

Ví dụ

- CP lãi vay trong kỳ của DN có GDLK là 20 tỷ
- Lợi nhuận trong kỳ 10 tỷ
- CP khấu hao TSCĐ là 15 tỷ
- Thì lãi vay được trừ là $= (20+10+15) \times 30\% = 13,5$ tỷ
- Số không được trừ là $= 20 - 13,5 = 6,5$ tỷ

81

CƠ SỞ DỮ LIỆU SỬ DỤNG TRONG KÊ KHAI, XÁC ĐỊNH, QUẢN LÝ GIÁ GDLK



Dữ liệu nào???

82

Cơ sở dữ liệu

1. Đối với NNT

- Cơ sở dữ liệu thương mại;
- Thông tin dữ liệu công bố công khai trên thị trường chứng khoán;
- Thông tin, dữ liệu công bố trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ;
- Thông tin do các cơ quan Bộ, ngành công bố công khai hoặc các nguồn chính thức khác.

83

Cơ sở dữ liệu

2. Đối với Cơ quan thuế:

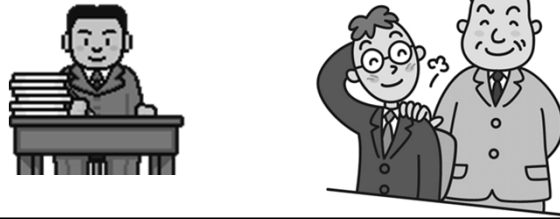
- Cơ sở dữ liệu quy định đối với NNT;
- Thông tin, dữ liệu trao đổi với các Cơ quan thuế đối tác;
- Thông tin do các cơ quan Bộ, ngành trong nước cung cấp cho Cơ quan thuế;
- Cơ sở dữ liệu của Cơ quan thuế.

84

Cơ sở dữ liệu

3. Thứ tự ưu tiên lựa chọn dữ liệu so sánh:

- ĐTSS nội bộ của NNT;
- ĐTSS cư trú cùng quốc gia, lãnh thổ;
- ĐTSS ở các nước trong khu vực có điều kiện ngành và trình độ phát triển kinh tế tương đồng.



85

Tầm quan trọng của CS Dữ liệu

- Không những cho NNT hoặc các cơ quan Kiểm toán độc lập khi làm hồ sơ Giá chuyển nhượng cho DN mà cả cho Cơ quan Thuế khi thực hiện thanh tra GCN.
- Sẽ có tranh chấp khi các Bên lựa chọn CSDL khác nhau.
- CSDL của nội bộ ngành Thuế thì NNT không được truy cập
- Đa số dữ liệu hiện nay khi làm HS Giá chuyển nhượng là CSDL thương mại (mua ở nước ngoài), vì thực tế có nhiều ngành nghề mà VN chưa có.
- **Ví dụ:** các DN FDI sản xuất các gậy đánh Golf, máy may, dây và móc leo núi, đua ngựa, mô hình máy bay, dây điện ô tô...
- CSDL quyết định 90% các HS thanh tra GCN thành công

86

Điều 18-Quyền và nghĩa vụ của NNT trong kê khai, xác định giá GDLK

- 1. Người nộp thuế có GDLK thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định này có các quyền theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.
- 2. Người nộp thuế có GDLK thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định này có trách nhiệm kê khai, xác định giá GDLK, không làm giảm nghĩa vụ thuế TNDN phải nộp tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.
- Người nộp thuế có trách nhiệm chứng minh việc thực hiện phân tích, so sánh và lựa chọn phương pháp xác định giá GDLK theo quy định tại Nghị định này khi Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

87

Điều 18-Quyền và nghĩa vụ của NNT trong kê khai, xác định giá GDLK

- 3. Người nộp thuế có GDLK thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định này có trách nhiệm kê khai thông tin về QHLK và GDLK theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và nộp cùng Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

88

Điều 18-Quyền và nghĩa vụ của NNT trong kê khai, xác định giá GDLK

- 4. Người nộp thuế có trách nhiệm lưu giữ và cung cấp Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết là các thông tin, tài liệu, số liệu, chứng từ gồm:
 - a) Thông tin về QHLK và GDLK theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;
 - b) Hồ sơ quốc gia là các thông tin về GDLK, chính sách và phương pháp xác định giá đối với GDLK được lập và lưu tại trụ sở của người nộp thuế theo danh mục các nội dung thông tin, tài liệu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

89

Điều 18-Quyền và nghĩa vụ của NNT trong kê khai, xác định giá GDLK

- c) Hồ sơ toàn cầu là các thông tin về hoạt động kinh doanh của tập đoàn đa quốc gia, chính sách và phương pháp xác định GDLK của tập đoàn trên toàn cầu và chính sách phân bổ thu nhập và phân bổ các hoạt động, chức năng trong chuỗi giá trị của tập đoàn theo danh mục các nội dung thông tin, tài liệu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;
- d) Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao theo quy định tại khoản 5 Điều này và Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

90

Nghĩa vụ của NNT

- Lập Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia theo quy định của nước cư trú phải nộp cho Cơ quan thuế.
- Phải lưu giữ, xuất trình theo yêu cầu cung cấp thông tin của Cơ quan thuế.
- Người nộp thuế có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với các thông tin, tài liệu tại Hồ sơ xác định giá GDLK khi có yêu cầu của Cơ quan thuế
- Công ty tư vấn, kiểm toán độc lập hoặc công ty kinh doanh làm thủ tục về thuế là đại diện cho NNT lập Hồ sơ xác định giá GDLK có trách nhiệm tuân thủ pháp luật quản lý thuế và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định.

91

Đ 19-Trường hợp miễn kê khai, miễn lập hồ sơ

- 1. Người nộp thuế được miễn kê khai xác định giá GDLK tại mục III, mục IV Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định, miễn lập Hồ sơ xác định giá GDLK theo quy định tại Nghị định này trong trường hợp chỉ phát sinh giao dịch với các bên liên kết là đối tượng nộp thuế TNDN tại Việt Nam, áp dụng cùng mức thuế suất thuế TNDN với người nộp thuế và không bên nào được hưởng ưu đãi thuế TNDN trong kỳ tính thuế, nhưng phải kê khai căn cứ miễn trừ tại mục I, mục II tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

92

~~Đ 19-Trường hợp miễn kê khai, miễn lập hồ sơ~~

- 2. NNT có trách nhiệm kê khai xác định giá GDLK theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này nhưng được miễn lập Hồ sơ xác định giá GDLK trong các trường hợp sau:
 - a) NNT có phát sinh GDLK nhưng tổng doanh thu phát sinh của kỳ tính thuế dưới 50 tỷ đồng và tổng giá trị tất cả các GDLK phát sinh trong kỳ tính thuế dưới 30 tỷ đồng;
 - b) NNT đã ký kết Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)

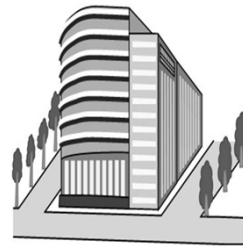
93

~~TH miễn kê khai, miễn lập hồ sơ~~

- c) NNT thực hiện kinh doanh với chức năng đơn giản, không phát sinh doanh thu, chi phí từ hoạt động khai thác, sử dụng tài sản vô hình, có doanh thu dưới 200 tỷ đồng, áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính) trên doanh thu thuần, bao gồm các lĩnh vực như sau:
 - - Phân phối: Từ 5% trở lên;
 - - Sản xuất: Từ 10% trở lên;
 - - Gia công: Từ 15% trở lên.
- Trường hợp người nộp thuế theo dõi, hạch toán riêng doanh thu, chi phí của từng lĩnh vực thì áp dụng tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu thuần tương ứng với từng lĩnh vực

94

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN THUẾ TRONG QUẢN LÝ GIÁ GDLK



CƠ QUAN THUẾ

95

Trách nhiệm và quyền hạn của CQThuế

1. Áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý thuế đối với giá giao dịch liên kết theo quy định của pháp luật thuế.
2. Cơ quan thuế căn cứ các nguyên tắc phân tích, so sánh, nguyên tắc và phương pháp xác định giá giao dịch liên kết được quy định tại Nghị định này và các thông tin kê khai nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp có giao dịch liên kết để thực hiện ấn định thuế trong các trường hợp sau:

96

Cơ quan thuế có quyền ấn định

- Cơ quan thuế có quyền ấn định mức giá; tỷ suất lợi nhuận; tỷ lệ phân bổ lợi nhuận; thu nhập chịu thuế hoặc số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với người nộp thuế không tuân thủ quy định về kê khai, xác định giao dịch liên kết; không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin, dữ liệu kê khai xác định giá giao dịch liên kết trong các trường hợp sau:
- a) Người nộp thuế không kê khai, kê khai không đầy đủ thông tin hoặc không nộp Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;

97

Cơ quan thuế có quyền ấn định

- b) Người nộp thuế cung cấp không đầy đủ thông tin Hồ sơ xác định giá GDLK kết quy định tại Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này hoặc không xuất trình Hồ sơ xác định giá GDLK và các dữ liệu, chứng từ và tài liệu được sử dụng làm căn cứ phân tích, so sánh, xác định giá tại Hồ sơ xác định giá GDLK theo yêu cầu của Cơ quan thuế trong thời hạn theo quy định tại Nghị định này. Thông tin tại Hồ sơ xác định giá GDLK được xác định là trọng yếu nếu thông tin này gây ảnh hưởng đến kết quả phân tích lựa chọn đối tượng so sánh độc lập tương đồng; phương pháp xác định giá GDLK hoặc kết quả điều chỉnh mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế;

98

Cơ quan thuế có quyền ấn định

- c) Người nộp thuế sử dụng các thông tin về GDĐL không trung thực, không đúng thực tế để phân tích, so sánh, kê khai xác định giá GDLK hoặc dựa vào các tài liệu, dữ liệu và chứng từ không hợp pháp, không hợp lệ hoặc không nêu rõ nguồn gốc xuất xứ để xác định mức giá, tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận áp dụng cho GDLK;
- d) Người nộp thuế có hành vi vi phạm các quy định về xác định giá GDLK tại Điều 19 Nghị định này;
- đ) Cơ sở dữ liệu sử dụng để ấn định thuế thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.
- CQ Thuế có trách nhiệm bảo mật thông tin cho NNT

99

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ VÀ UBND CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC T.Ư

(Xin xem NĐ 132)



100

Hiệu lực thi hành

- 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 12 năm 2020 và áp dụng từ kỳ tính thuế TNDN năm 2020.
- 2. Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 và Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với DN GDLK hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

101

Kê khai QT thuế 2017,2018

- a) Người nộp thuế thuộc trường hợp khai bổ sung hồ sơ khai quyết toán thuế TNDN năm 2017, năm 2018 theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ nhưng chưa thực hiện kê khai bổ sung hồ sơ quyết toán thuế TNDN được tiếp tục thực hiện đến **trước ngày 01 tháng 01 năm 2021;**

102

Kê khai QT thuế 2017,2018

- b) Người nộp thuế đã được cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thanh tra, kiểm tra và đã có kết luận thanh tra, kiểm tra, quyết định xử lý đối với kỳ tính thuế năm 2017, năm 2018 nhưng thuộc trường hợp được xác định lại số thuế phải nộp theo điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 nhưng đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì hành chưa gửi đề nghị cho cơ quan thuế thì người nộp thuế có quyền đề nghị cơ quan thuế quản lý trực tiếp xác định lại số thuế phải nộp;

103

Kê khai QT thuế 2017,2018

- c) Trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế TNDN, tiền chậm nộp đã nộp ngân sách nhà nước của năm 2017, năm 2018 lớn hơn số tiền thuế TNDN, tiền chậm nộp đã xác định lại thì phần chênh lệch được **bù trừ vào số thuế TNDN từ năm 2020 đến hết năm 2024**.
- Kết thúc thời hạn trên, không xử lý số thuế còn lại chưa bù trừ hết.

104

Kê khai QT thuế 2017,2018

- 4. Đối với trường hợp được chuyển chi phí lãi vay sang kỳ tính thuế tiếp theo khi quyết toán thuế TNDN năm 2019 theo quy định tại Nghị định số 68/2020/NĐ-CP, thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ kỳ tính thuế TNDN năm 2020.
- Trường hợp sau 05 năm không chuyển hết thì phần chi phí lãi vay còn lại không được chuyển sang các kỳ tính thuế tiếp theo.

105

Điều 8- Điều chỉnh mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ của NNT

- 1. Trường hợp tìm kiếm được các đối tượng so sánh độc lập có mức độ so sánh tin cậy tương đương nhau, không có khác biệt hoặc có khác biệt nhưng có đủ thông tin, dữ liệu làm cơ sở để loại trừ tất cả các khác biệt trọng yếu:
 - a) Nếu mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế thuộc khoảng giá trị GDĐL của các đối tượng so sánh độc lập tương đồng thì người nộp thuế không phải thực hiện điều chỉnh mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận để xác định giá GDLK;

106

Điều 8- Điều chỉnh mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ của NNT

- b) Nếu mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế không thuộc khoảng giá trị GDĐL của các đối tượng so sánh độc lập tương đồng thì người nộp thuế phải xác định giá trị thuộc khoảng GDĐL phản ánh **mức độ tương đồng cao nhất với GDLK để điều chỉnh** mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của GDLK nhưng không làm giảm thu nhập chịu thuế, không làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp ngân sách nhà nước của NNT.

107

Ví dụ: Các DN độc lập được chọn

STT	TÊN CTY	TỶ SUẤT TN THUẬN/TCP
1	A	X1
2	B	X2
3	C	X3
4	D	X4
5	E	X5
6	F	X6
7	G	X7
	Tứ PV 1 (X1-X7)	4,5%
	Tứ PV 3 (X1-X7)	9,8%
	TRUNG VỊ (X1-X7)	6,5%

Sau khi xem xét tính tương đồng cao nhất từ X1-X7 mà không thỏa thì chọn số trung vị là 6,5%.

108

Điều 8- Điều chỉnh mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ của NNT

- 2. Trường hợp chỉ có thông tin dữ liệu làm cơ sở để loại trừ hầu hết các khác biệt trọng yếu của đối tượng so sánh độc lập, **tối thiểu lựa chọn 05 đối tượng so sánh độc lập và áp dụng khoảng giá trị GDĐL chuẩn** theo hướng dẫn tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này.
- Việc lựa chọn giá trị thuộc khoảng giá trị GDĐL chuẩn để điều chỉnh, xác định lại mức giá, tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế như sau:

109

Điều 8- Điều chỉnh mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ của NNT

- a) Nếu mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế là giá trị thuộc khoảng giá trị GDĐL chuẩn của các đối tượng so sánh độc lập tương đồng, người nộp thuế **không phải điều chỉnh mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận** để xác định giá GDLK;

110

Điều 8- Điều chỉnh mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ của NNT

- b) Trường hợp mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế không thuộc khoảng giá trị GDĐL chuẩn của các đối tượng so sánh độc lập tương đồng, người nộp thuế phải xác định giá trị thuộc khoảng **GDĐL chuẩn phản ánh mức độ tương đồng cao nhất** với GDLK để điều chỉnh mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của GDLK và xác định thu nhập chịu thuế, số thuế phải nộp nhưng không làm giảm thu nhập chịu thuế, không làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp ngân sách nhà nước;

111

Điều 8- Điều chỉnh mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ của NNT

- c) Trường hợp cơ quan thuế thực hiện điều chỉnh hoặc ấn định mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế, giá trị điều chỉnh hoặc **ấn định là giá trị trung vị của khoảng giá trị GDĐL chuẩn**.
- 3. Căn cứ phương pháp xác định giá GDLK và các đối tượng so sánh độc lập được lựa chọn, thực hiện điều chỉnh mức giá; tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế để xác định nghĩa vụ thuế TNDN của NNT **không làm giảm nghĩa vụ thuế phải nộp NSNN**.

112

Giá trị được chọn theo TT 66/2010

- Ví dụ: Trong năm 20xx Cty A lựa chọn được các DN độc lập để so sánh có các số liệu về tỷ suất lợi nhuận thuần trên tài sản là: 1,0; 1,25; 1,25; 1,5; 1,5; 1,75; 2,0; 2,0; 2,0; 2,25; 2,5; 2,75; 3,0.
- Xác định các giá trị tứ phân vị của **Hàm Quartile** trong excel như sau:

113

Giá trị được chọn theo TT 66

TỨ PHÂN VỊ	HÀM	GIÁ TRỊ
Tứ phân vị thứ 1	QUARTILE(A2:A14,1)	1,5
Trung vị	QUARTILE(A2:A14,2)	2
Tứ phân vị thứ 3	QUARTILE(A2:A14,3)	2,25

- Theo hướng dẫn TT 66 thì nếu DN có giá trị từ giá trị trung vị trở lên thì không cần điều chỉnh
- Nếu thấp hơn hoặc nằm ngoài biên độ thì điều chỉnh theo giá trị trung vị

114

Giá trị được chọn theo NĐ20

TỨ PHÂN VỊ	HÀM	GIÁ TRỊ
Tứ phân vị thứ 1	QUARTILE(A2:A14,1)	1,5
Trung vị	QUARTILE(A2:A14,2)	2
Tứ phân vị thứ 3	QUARTILE(A2:A14,3)	2,25

- Theo hướng dẫn NĐ 20 thì nếu DN có giá trị **nằm trong khoảng giữa** trên thì không cần điều chỉnh.
- Nếu cơ quan thuế xác định lại thì **lấy giá trị trung vị**

115

Một số vấn đề cần lưu

- Tại Phụ lục V Nghị định này có công thức tính
- **KHOẢNG GIÁ TRỊ GIAO DỊCH ĐỘC LẬP CHUẨN**
- Ví dụ: Trong năm 202x, doanh nghiệp A lựa chọn được các doanh nghiệp độc lập để so sánh có các số liệu về tỷ suất lợi nhuận thuần trên tài sản là: 1,0; 1,25; 1,25; 1,5; 1,5; 1,75; 2,0; 2,0; 2,15; 2,25; 2,5; 2,75; 3,0.
- Xác định các giá trị bách phân vị của Hàm Percentile trong excel như sau:

Bách phân vị thứ 35	"=Percentile(A5:A17,0.35)"	1.55
Trung vị	"=Percentile(A5:A17,0.5)"	2
Bách phân vị thứ 75	"=Percentile(A5:A17,0.75)"	2.25

116

Giá trị được chọn theo NĐ 132/2020

- Như vậy
- Bách phân vị thứ 35 là 1,55
- Trung vị là 2
- Bách phân vị thứ 75 là 2,25
- Nếu NNT xác định giá trị nằm trong khoảng trên thì CQ Thuế không điều chỉnh
- Nếu nằm ngoài khoảng trên thì CQ Thuế điều chỉnh theo **Trung vị.**

(1,55---**2**---2,25)

117



118